

# TÁC ĐỘNG CỦA SỰ THAY ĐỔI MÔI TRƯỜNG ĐỊA - CHÍNH TRỊ ĐÔNG NAM Á ĐẾN QUAN HỆ VIỆT - NGA THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỶ XXI

TRẦN KHÁNH\*

Cùng với sức ép của toàn cầu hóa và khủng bố bạo lực leo thang, sự trỗi dậy của Trung Quốc và gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, trước hết là Mỹ-Trung ở Đông Nam Á đã và đang làm thay đổi sâu sắc môi trường địa-chính trị khu vực này, tác động lớn đến các mối quan hệ của ASEAN và các nước thành viên với các đối tác bên ngoài, trong đó có quan hệ Việt - Nga. Trong khuôn khổ bài viết này chủ yếu nêu khái quát sự tác động của môi trường địa-chính trị khu vực hiện nay đến thế và lực của Việt Nam và quan hệ Việt - Nga trong những năm sắp tới.

## I. KHÁI QUÁT VỀ BỨC TRANH ĐỊA - CHÍNH TRỊ ĐÔNG NAM Á ĐANG THAY ĐỔI

### *1. Tăng sức ép của toàn cầu hóa và liên kết khu vực*

Chiến tranh lạnh chấm dứt ở đầu thập niên 90 tạo ra bước ngoặt địa-chính trị thế giới và khu vực, làm tan biến Tam giác chiến lược Mỹ - Trung - Xô, đưa đến sự hợp tác sâu rộng giữa Trung Quốc - Nga, Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Mỹ, Việt Nam - ASEAN v.v..., thúc đẩy liên kết ASEAN và hợp tác Đông Á. Đây còn là kết quả gia tăng của toàn cầu hóa, trước hết là kinh tế, trong đó Trung Quốc và Ấn Độ đang chi phối dòng chảy công nghệ và vốn với quy mô lớn từ các nước tư bản phát triển sang các nước đang phát triển. Đối với các nước ASEAN, trong gần một thập niên qua, do môi trường cạnh tranh ít

---

\* TSKH. Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.

được cải thiện nên rơi vào trì trệ, mà biểu hiện rõ nét nhất là khủng hoảng tài chính tiền tệ 1997-1998. Điều này kéo theo sự bất ổn chính trị-xã hội ở nhiều nước, làm chậm tiến trình hội nhập của ASEAN. Tuy nhiên, cũng từ rủi ro này thôi thúc ASEAN tăng cường tính mở và hội nhập nội khối. Sự cam kết xây dựng Cộng đồng ASEAN và mở rộng của tiến trình Hợp tác Đông Á là những xu hướng nổi lên hiện nay, đang tác động lớn đến quan hệ quốc tế, trong đó có quan hệ ASEAN - Nga và Việt - Nga.

## **2. Gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ở Đông Nam Á**

### *a. Sự trỗi dậy của Trung Quốc và tăng cường vai trò của họ ở khu vực*

Sự trỗi dậy của Trung Quốc được thể hiện trên mọi lĩnh vực, trước hết là *kinh tế*. Nếu như 1978, GDP của Trung Quốc lục địa mới chỉ chiếm có khoảng 1% của thế giới thì đến 2005 tăng lên 4%, vượt Italia, đứng vị trí thứ 6 với 1.981 tỷ USD. Về ngoại thương, Trung Quốc đứng hàng thứ 3 trên thế giới (sau Mỹ và Nhật Bản); Về dự trữ ngoại tệ lớn thứ hai, sau Nhật Bản. Điều gây ấn tượng là đầu tư của Trung Quốc ra nước ngoài trên khắp các châu lục trong thời gian gần đây tăng rất nhanh với nhiều dự án lớn đạt hàng tỷ USD.

Đối với Đông Nam Á, Trung Quốc đã trở thành bạn hàng lớn thứ 4 của ASEAN với kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2004 đạt xấp xỉ 106 tỷ USD. Về đầu tư, Trung Quốc đang trên đường trở thành nhà đầu tư lớn của ASEAN; Nhiều hợp đồng lớn đầu tư lên tới hàng tỷ USD vừa được ký kết với Philippin, Indônêxia. Từ 2004, Trung Quốc trở thành nhà đầu tư và cung cấp viện trợ phát triển số 1 ở Campuchia và có thể trở thành nhà đầu tư lớn nhất tại Mianma và Lào trong một hai năm tới. Đồng thời, Trung Quốc là nước hết sức nhiệt tình tham gia phát triển Tiểu vùng sông Mê Công mở rộng (1).

Về khía cạnh *chính trị - ngoại giao*, thời gian gần đây, Trung Quốc không chỉ chấp nhận toàn cầu hóa kinh tế, mà còn chủ động hội nhập quốc tế trên tất cả các bình diện, nhất là trong hợp tác với các nước ASEAN (2).

Ngoài hai lĩnh vực chính trên, sự trỗi dậy của Trung quốc còn được thể hiện ở phát triển nhanh chóng của *khoa học và công nghệ*. Điển hình là Trung Quốc vừa thực hiện thành công, phóng tàu vũ trụ "Thần Châu 6", đưa người vào vũ trụ lần thứ hai, trở thành cường quốc chinh phục vũ trụ thứ 3 sau Nga và Mỹ. Theo kế hoạch có thể đến năm 2007 đưa người vào mặt trăng, và tương lai không xa sẽ xây Trạm Không gian vũ trụ.

Trung Quốc trở nên quan tâm hơn đến hợp tác quốc tế ở khu vực biển Đông. Điều này được thể hiện bằng việc Trung Quốc tham gia hợp tác với Việt Nam và Philippin cùng nhau thăm dò địa chấn và dầu khí ở biển Đông.

*b. Gia tăng sự hiện diện và tái can dự của Mỹ*

Cùng với việc điều chỉnh "Chiến lược Toàn cầu mới" sau sự kiện 11/9, sự trỗi dậy của Trung Quốc, sự chuyển mình của Ấn Độ, sự bất ổn chính trị kéo dài ở nhiều nước ASEAN sau khủng hoảng tài chính tiền tệ 1997-1998 và sự gia tăng tâm lý chống Mỹ trong thế giới Hồi giáo đang làm cho Mỹ trở nên quan tâm nhiều hơn đến Đông Nam Á.

Trước hết về khía cạnh an ninh quốc phòng, Mỹ phục hồi và tăng cường hợp tác an ninh - quân sự với các nước Đông Nam Á bằng việc ký hàng loạt các thoả thuận quân sự mới với các nước đồng minh truyền thống như Philippin, Thái Lan và Xingapo, và cho họ hưởng quy chế "Đồng minh chiến lược ngoài NATO". Ngoài ra, Mỹ còn cải thiện quan hệ và mở rộng hợp tác với đối tác ít thân thiện hơn như Indônêxia và cả với địch thủ trước đây là Việt Nam (3).

Tiếp đến, là sự gia tăng can dự và kiểm soát của Mỹ ở eo biển Malacca và khu vực biển Đông. Điều này được thể hiện bằng việc Mỹ đưa ra hàng loạt các sáng kiến mới như: "Sáng kiến an ninh Contenor" (CSI), "Sáng kiến an ninh hàng hải khu vực" (RMSI) "Hiệp ước trợ giúp hậu cần" (ACSA) với một số nước ASEAN v.v... Cùng với trên, Mỹ trở nên "có lập trường" hơn đối với vấn đề tranh chấp biển Đông, chuyển từ thái độ "hầu như không có trách nhiệm" hay "trung lập" sang "giúp đỡ" các nước tranh chấp với Trung Quốc. Điều này được thể hiện bằng việc tăng tần số các cuộc tập trận chung trên biển Đông và điều quân số nhiều hơn đến đồn trú tại khu vực này.

Tiếp theo là Mỹ trở nên gây áp lực nhiều hơn đối với ASEAN và một số nước thành viên trong việc thực thi dân chủ và nhân quyền. Điều này được thể hiện bằng việc thúc ép Hiệp hội này thành lập Ủy ban Nhân quyền ASEAN và phản đối việc Mianma giữ chức Chủ tịch luân phiên ASEAN.

Sự gia tăng vai trò của Mỹ cũng được thể hiện qua quan hệ kinh tế. Thương mại Mỹ-ASEAN tăng từ 130 tỷ USD năm 2003 tăng lên gần 140 tỷ USD vào năm 2004. Rất có thể trong một hai năm tới, Hiệp định FTA song phương Mỹ - Thái Lan, Mỹ - Malaixia sẽ được ký kết. Việt Nam đang là điểm khá hấp dẫn mới trong thương mại và đầu tư của Mỹ (4). Ngoài ra, Mỹ đưa ra các sáng kiến mới như "Sáng kiến Doanh nghiệp ASEAN" (2002), "Chương trình hợp tác ASEAN" (2004) và gần đây nhất là Ký với ASEAN "Tuyên bố chung về tăng cường quan hệ đối tác ASEAN-Mỹ" vào ngày 17-11-2005 v.v...

### *c. Gia tăng vai trò đáng kể của các nước lớn khác*

Trước hết là *ấn Độ*. Sự phát triển nhanh chóng về kinh tế, đặc biệt là công nghệ thông tin của *ấn Độ* đang tạo ra thế và lực mới cho mở rộng hợp tác quốc tế, trong đó có ASEAN. *Ấn Độ* là một đối tác chiến lược của ASEAN và đã ký TAC vào năm 2003. Điều nổi bật là *ấn Độ* đã ký FTA song phương với Thái Lan (2004) và Hiệp định hợp tác kinh tế toàn diện với Xinggapo (2005). Thương mại ASEAN - *ấn Độ* tăng khá nhanh, đạt con số 16 tỷ USD vào năm 2004.

Tiếp đến *Nhật Bản* đang sử dụng sự phục hồi kinh tế của mình cùng với Chiến lược toàn cầu mới của Mỹ để "đuổi kịp chính trị", cạnh tranh với Trung Quốc, trước hết là ở Đông Nam Á. Ngoài việc tăng cường các hoạt động thương mại, đầu tư (trong đó các nước Đông Dương và Indônêxia đang được quan tâm hơn), *Nhật Bản* còn tăng cường viện trợ phát triển cho các dự án lớn như Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia, Hợp tác Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng v.v...

Còn nước *Nga*, đang tận dụng công cụ dầu lửa và công nghệ quốc phòng cũng như sự tăng trưởng kinh tế gần đây để lấy lại ảnh hưởng trên trường quốc tế, trong đó có ASEAN. Sự gia tăng đáng kể thương mại cùng với những hoạt động ngoại giao khá dồn dập giữa Nga và ASEAN trong một hai năm trở lại đây (như tham gia TAC (2004), Hội nghị thượng đỉnh đầu tiên Nga-ASEAN năm 2005) v.v... đang làm tăng tính hấp dẫn, nhạy cảm, đa chiều trong quan hệ quốc tế của Đông Nam Á.

Ngoài các xu hướng trên, ở khu vực này trong những năm gần đây diễn ra khá mạnh mẽ *khủng bố bạo lực, ly khai dân tộc* như ở một số nước như Indônêxia, Philippin và Thái Lan. Cùng với tình hình bất lợi này, sự *gia tăng tranh chấp chủ quyền tại các vùng biển*, nhất là ở biển Đông, biển Sulavesi, nơi có dữ trữ lớn dầu khí và tài nguyên biển lớn, lại là vị trí chiến lược trong hàng hải và phòng thủ quốc tế, và sự khan hiếm *về nước sạch dùng cho thủy điện và sinh hoạt trên các con sông, nhất là sông Mê Kông* có thể làm cho môi trường địa-chính trị Đông Nam Á trở nên phức tạp hơn. Ngoài các vấn đề trên, sự *gia tăng ngân sách quốc phòng*, mua sắm vũ khí hiện đại, tiến hành nhiều cuộc tập trận với quy mô lớn trong bối cảnh kinh tế khó khăn cũng là một đặc điểm khá nổi bật hiện nay ở nhiều nước ASEAN.

## **II. TÁC ĐỘNG CỦA CÁC QUÁ TRÌNH TRÊN ĐẾN QUAN HỆ VIỆT - NGA**

### **1. Tác động đến tương quan lực lượng và môi trường cạnh tranh ở Đông Nam Á**

#### *a. Đến tương quan lực lượng giữa các nước lớn*

Trước hết, sự gia tăng của toàn cầu hóa và cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, trước hết là Mỹ - Trung làm tăng ảnh hưởng của các nước đó ở Đông Nam Á, tạo thêm tính nhạy cảm và đa nguyên trong cơ cấu quyền lực và lợi ích tại khu vực này. Hiện tại, ưu thế quân sự và chính trị tại Đông Nam Á vẫn nghiêng về phía Mỹ. Nhưng, "quyền lực mềm" của Trung Quốc ở khu vực này đang tăng nhanh. Trong tương lai, xu hướng vượt trội của Trung Quốc trong quan hệ kinh tế với khu vực sẽ thách thức vai trò của Mỹ và có thể làm gia tăng chủ nghĩa dân tộc của người Đông Nam Á. Hơn nữa, những thay đổi đó cũng đụng chạm đến quyền lợi của các nước lớn khác như Nhật Bản, Ấn Độ, Nga v.v...

### *b. Đến môi trường cạnh tranh của ASEAN*

Sự gia tăng sức ép của toàn cầu hóa và sự trỗi dậy của hai nền kinh tế mới là Trung Quốc và Ấn Độ đang tạo ra cả cơ hội lẫn thách thức đối với ASEAN và các nước thành viên. Trước hết quá trình trên thúc đẩy các nước này cải thiện nhanh hơn môi trường đầu tư và dân chủ hóa xã hội. Tiếp theo là ASEAN trở nên năng động hơn trong việc tìm kiếm cơ chế, giải pháp thúc đẩy liên kết nội khối và hội nhập quốc tế sâu rộng<sup>(5)</sup>.

Việc các nước lớn, trước hết là Mỹ và Trung Quốc tăng cường quan hệ với Đông Nam Á, đã và đang ra những "cú hích" mới thúc đẩy cạnh tranh và hợp tác kinh tế cũng như an ninh khu vực, góp phần tạo thêm "không gian tự do", bổ sung "phương tiện mặc cả" cho việc theo đuổi chính sách "cân bằng thế lực", đa phương hoá, đa dạng hóa các mối quan hệ quốc tế của ASEAN và các nước thành viên, làm cho Hiệp hội này trở nên quan trọng hơn trong bàn cờ địa chính trị của các nước lớn.

Thế nhưng các quá trình trên cũng đang tạo ra không ít thách thức (tuy cơ hội vẫn là nhiều hơn), nhất là việc lựa chọn hay thúc đẩy quan hệ đối tác với từng nước lớn. Hơn nữa, sự nổi lên của Trung Quốc và Ấn Độ có thể làm giảm đi sức hấp dẫn của ASEAN với tư cách là một khu vực kinh tế năng động, đoàn kết chính trị và giữ vai trò chủ đạo trong các nỗ lực hợp tác khu vực. Điều này có thể xảy ra, nếu như ASEAN không khắc phục được những hạn chế "cố hữu" của mình<sup>(6)</sup>.

## **2. Tác động đến quan hệ Việt - Nga**

### *a. Tác động đến vị thế của Việt Nam và Nga*

Việt Nam - với tư cách là nước thành viên ASEAN, láng giềng với hai đại cường là Trung Quốc và Ấn Độ đang trên đà phát triển mạnh mẽ, có nhiều hải cảng nước sâu, các đảo nổi ở khu vực tranh chấp biển Đông với tiềm năng dầu khí lớn, lại nằm trên các trục lộ giao thông huyết mạch của nền kinh tế khu vực

và quốc tế, nơi có sự đan xen các thời cơ, thách thức của thời đại, nên hết sức nhạy cảm với sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn. Trong lịch sử, Việt Nam đã từng là "khu đệm hay bàn đạp" của các cuộc đua ảnh hưởng và quyền lực.

Xét tầm vóc của các nước lớn hiện nay và trong tương lai gần thì Việt Nam có thể trở nên quan trọng hơn đối với 3 nước là Trung Quốc, Mỹ và Nhật Bản; Trong tầm trung và dài hạn thì còn có khả năng nằm trong bàn cờ chiến lược của cả Nga và Ấn Độ. Sự cạnh tranh chiến lược trên đang làm tăng vị thế địa - chính trị của Việt Nam. Việt Nam có thể trở thành "đầu mối" của các nỗ lực hợp tác và liên kết kinh tế cho khu vực và thế giới với tư cách là "cửa ngõ" ra biển cho vùng Tây Nam của Trung Quốc, cho Lào, Campuchia và miền Bắc Thái Lan, và "đầu cầu" trên đất liền, trên biển và trên không giữa Đông Bắc Á và Đông Nam Á, giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, giữa Âu - Mỹ và các nước trong khu vực khu vực.

Hơn nữa, gần 20 năm đổi mới, thế và lực của Việt Nam đã được tăng lên. Với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và liên tục, chính trị-xã hội ổn định, thị trường khá hấp dẫn với dân số trên 83 triệu người (2005) (7), Việt Nam đã và đang chiếm được cảm tình trong ASEAN như một quốc gia có trách nhiệm, đáng tin cậy trong cộng đồng khu vực và quốc tế. Với vị thế địa-chiến lược và thực lực kinh tế đang lên, lại có chính sách cởi mở, hội nhập tích cực và tình hữu nghị vốn có, Việt Nam có thể tạo thành "đầu cầu", "trạm chuyển tiếp" trong sản xuất và lưu thông của nước Nga với khu vực, trước hết là các nước trên bán đảo Trung - Ấn.

Nước Nga, tuy đã mất đi vị thế siêu cường, chưa ra khỏi hẳn tình trạng lộn xộn kéo dài gần hai thập niên qua, nhưng việc nước này đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế tương đối cao trong những năm gần đây (GDP bình quân năm đạt trên 6% tính từ năm 1999-2005), và đặc biệt là việc sử dụng tương đối có hiệu quả chính sách "ngoại giao dầu lửa" và công cụ "công nghệ quốc phòng" đã và đang từng bước gây lại ảnh hưởng của mình trên trường quốc tế.

Do tầm quan trọng của khu vực Đông Nam Á đang gia tăng trong chiến lược châu Á - Thái Bình Dương của các nước lớn, Nga cũng trở nên linh hoạt, tăng cường "lộ trình" hướng Đông trong chính sách đối ngoại của mình. Biểu hiện rõ nét nhất là các cuộc gặp gỡ ngoại giao cấp cao dồn dập giữa Nga với các nước Đông và Đông Nam Á trong một hai năm trở lại đây. Ví dụ như năm 2005, tại Vladivostok diễn ra cuộc gặp "bộ ba" Nga, Trung Quốc và Ấn Độ; Cuộc tập trận chung Nga - Trung mang tên "Sứ mạng hòa bình 2005", Nga cùng với Trung Quốc và các nước khác trong Tổ chức Thượng Hải (SCO) ra tuyên bố

cứng rắn, yêu cầu Mỹ có kế hoạch rút khỏi khu vực các nước SCO ở Trung Á; Tổng thống Putin thăm Nhật Bản và tham dự Hội nghị APEC tại Hàn Quốc; Putin tham dự Hội nghị thượng đỉnh lần đầu tiên Nga - ASEAN tại Kuala-Lumpur hồi tháng 12-2005. Trước đó (2004) Nga ký Hiệp ước TAC v.v...<sup>(8)</sup>.

Cần nhấn mạnh rằng, Nga là một trong ít nước có tiềm năng kinh tế lớn, lực lượng quốc phòng hùng mạnh, có nhiều lĩnh vực nổi trội trong nghiên cứu và chinh phục vũ trụ<sup>(9)</sup>. Trong bối cảnh gia tăng khủng bố bạo lực, tranh chấp tài nguyên thiên nhiên và ngày càng khan hiếm về dầu mỏ và khí đốt thì vai trò của Nga trên thế giới nói chung, ở Đông Nam Á nói riêng được nhấn mạnh hơn. Kể từ sau Chiến tranh lạnh kết thúc, nhất là những năm gần đây, Nga đã trở thành nhà cung cấp nhiều loại vũ khí tối tân như máy bay chiến đấu và xe tăng hiện đại cho các nước ASEAN, trong đó phải kể đến các bạn hàng mới như Malaixia và Thái Lan. Sự gia tăng hợp tác bạn hàng dựa trên thế mạnh về nhiên liệu-năng lượng, an ninh-quốc phòng của Nga được thể hiện khá rõ nét trong “Tuyên bố chung Nga - ASEAN”, “Chương trình hành động tổng thể phát triển quan hệ Nga - ASEAN giai đoạn 2005-2015”, và trong “Hiệp định Nga-ASEAN về Hợp tác kinh tế” được ký tại cuộc Hội nghị Cấp cao ASEAN-Nga lần thứ nhất diễn ra ở Kuala-Lumpur tháng 12-2005 vừa qua.

#### *b. Đến quan hệ Việt - Nga*

Trước mắt cũng như lâu dài, tiềm năng hợp tác giữa ASEAN-Liên Bang Nga nói chung Việt-Nga nói riêng là hết sức to lớn. Hai nước Việt-Nga đã ký Hiệp ước về những nguyên tắc cơ bản của quan hệ hữu nghị và hợp tác từ 1994 và lập quan hệ đối tác chiến lược nhân chuyến thăm lịch sử của Tổng thống Putin tới Việt Nam vào đầu năm 2001. Quan hệ đối tác này được tái khẳng định trong chuyến thăm Nga của Chủ tịch Trần Đức Lương hồi tháng 5-2004 và chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Nga Pradkov tháng 2-2006 vừa qua.

Trong một hai năm trở lại đây, quan hệ thương mại, đầu tư, hợp tác khoa học kỹ thuật và đào tạo giữa hai nước đang được củng cố và phát triển khá nhanh. Nếu 2003 thương mại hai chiều Việt Nam - Nga mới chỉ đạt 651,4 triệu USD, thì con số đó tăng lên 887,3 triệu vào năm 2004 và lần đầu tiên từ 1990 đến nay vượt con số 1 tỷ, chính xác là 1,1 tỷ USD vào năm 2005. Mức đầu tư của Nga vào Việt Nam chưa lớn lắm, chỉ đứng ở vị trí thứ 11 với 1,833 triệu USD (đứng trên Thái Lan và Malaixia), nhưng lại có tỷ lệ số vốn đưa vào sử dụng thuộc loại cao và có hiệu quả nhất cho phát triển kinh tế và củng cố an ninh quốc phòng của Việt Nam. Điển hình là sự hợp tác có hiệu quả của liên doanh dầu khí Vietsovpetro, của các công ty xuất nhập khẩu thiết bị kỹ thuật điện lực, lắp ráp tạo ô tô, khai thác khoáng sản, nghiên cứu các vấn đề khoa học liên

quan đến nhiệt đới v.v... Nhiều lĩnh vực khác như trao đổi công nghệ vật lý hạt nhân, vật liệu xây dựng, thăm dò và khai thác khoáng sản, xây dựng hạ tầng cơ sở, giáo dục đào tạo và y tế đang là thế mạnh của Nga trong hợp tác với Việt Nam.

Còn Việt Nam có thể trở thành bạn hàng lớn của Nga trong xuất khẩu nông sản nhiệt đới, nhất là gạo, các nguyên liệu dành cho sản xuất công nghiệp như cao su tự nhiên, dầu dừa, chè và các sản phẩm tiêu dùng thuộc công nghiệp nhẹ (như may mặc, dây dếp, nhựa dẻo) và chế biến thực phẩm, rau quả. Hơn thế, Việt Nam có thể đầu tư liên doanh xây dựng các cơ sở dịch vụ thương nghiệp và chế biến một số hàng tiêu dùng tại Nga. Còn về nhập khẩu, các mặt hàng chủ yếu vẫn là sắt thép, xăng dầu, phân bón, ô tô các loại, nhôm, lúa mì, giấy các loại, máy và phụ tùng máy xây dựng, dây điện, cáp điện, máy và các loại thiết bị hàng không v.v... Từ trước đến nay, xu thế nhập siêu với tỷ lệ lớn của Việt Nam chưa hề giảm. Tỷ lệ nhập siêu thương mại Việt - Nga những năm gần đây là 70/30<sup>(10)</sup>.

### Kết luận

Cùng với sự gia tăng cạnh tranh về dầu mỏ, vũ khí hạt nhân, bùng nổ xung đột khủng bố bạo lực, ly khai dân tộc, gia tăng của toàn cầu hóa và chuyển nhanh sang nền kinh tế tri thức, sự cạnh tranh ưu thế địa- chính trị ở Đông Nam Á giữa các nước lớn, trước hết là giữa Mỹ và Trung Quốc, đang làm tăng vị thế của ASEAN nói chung, Việt Nam nói riêng trong bàn cờ chiến lược của các nước lớn tăng lên, có tác động thúc đẩy quan hệ Việt - Nga tiến về phía trước. Ngoài sự song trùng hay nhiều điểm tương đồng về lợi ích chiến lược giữa Việt Nam và Nga, sự năng động kinh tế, ổn định chính trị và vị thế địa-chiến lược đang lên của Việt Nam, tiềm lực lớn của Nga (với tư cách là thành viên thường trực của Hội đồng bảo an, nhà cung cấp năng lượng lớn, đối tác quan trọng trong hợp tác an ninh - quốc phòng và phát triển kinh tế-thương mại) là cơ sở, tiền đề quan trọng, cơ hội thuận lợi cho việc thúc đẩy quan hệ đối tác Việt - Nga lên tầm cao mới(\*\*).

---

### Chú thích

\*\* Bài đã đăng trên *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 5/2006.

1. Xem thêm: Kuik Cheng Chwee. Multilateralism in China's ASEAN Policy: Its Evolution, Characteristics and Aspiration// *Contemporary Southeast Asia- A Journal of International and*

Strategic Affairs, Volume 27, Number 1, April 2005, pp. 102-122; Báo *Quốc tế*, số 23 tháng 6-2005, tr.7; TTXVN, TTKTG, ngày 27-4-2005, tr. 8-9; ngày 28-7-2005, tr. 4-6.

2. Điều này được thể hiện rõ nét qua các Thỏa thuận hay Hiệp định như: "*Kế hoạch Hành động Trung Quốc - Thái Lan cho thế kỷ XXI*" (năm 1999), với Việt Nam là 16 chữ vàng "*Láng giềng hữu nghị, Hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, Hướng tới tương lai*" (1999); với Philippin "*Hiệp định khung về hợp tác song phương Trung Quốc - Philippin trong thế kỷ XXI*" (2000); với Xingapo "*Hiệp định khung Trung Quốc - Xingapo về Hợp tác song phương*" (2000); với Indônêxia "*Tuyên bố thiết lập Quan hệ đối tác chiến lược Trung Quốc - Indônêxia*" (2005), và đa phương với ASEAN như: "*Hiệp ước khung về hợp tác kinh tế toàn diện*", trong đó có việc hình thành Khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN (CAFTA) (2002), TAC (2003).

3. Từ năm 2002, Mỹ đã nối lại đối thoại an ninh với Indônêxia và đến cuối 2005, lệnh cấm vận vũ khí và hợp tác quân sự của Mỹ với nước này thì hành từ 1994 được chính thức bãi bỏ. Đối với Việt Nam, từ 1995 quan hệ ngoại giao Mỹ - Việt được bình thường hóa. Bước vào thập niên đầu thế kỷ XXI, hợp tác giữa hai nước được cải thiện khá nhanh trên các mặt. Bộ trưởng Quốc phòng và tàu chiến Mỹ thăm Việt Nam và các quan chức Việt Nam, kể cả Thủ tướng chính thức thăm nước Mỹ.

4. Kim ngạch buôn bán hai chiều Việt - Mỹ tăng từ 1,5 tỷ USD năm 2001 lên 6,4 tỷ USD năm 2004, trong đó Việt Nam luôn là nước xuất siêu với tỷ lệ cao (Xem thêm: Shannon Tow. *Southeast Asia in the Sino-US. Strategic Balance// Contemporary Southeast Asia - A Journal of International and Strategic Affairs*. Singapore, ISEAS, Vol. 26, Number 3, December 2004, pp. 434-459; TTXVN, TLTKĐB ngày 27-4-2005, tr. 7-10; Tin TKTG, 18-5-2005, tr. 6.; Tin TKTG, 1-6-2005, tr. 2-5; Lê Linh Lan. *Quan hệ Việt-Mỹ mười năm sau bình thường hoá - từ đối đầu đến đối tác*/Tạp chí Khoa học – Chuyên san Khoa học Xã hội và Nhân văn, T. XXI, Số 2, 2005, tr. 27-34).

5. ASEAN đã cho phép thực hiện Công thức 10-X từ năm 2002, đưa ra hàng loạt các sáng kiến hay chương trình hành động như "*Tầm nhìn 2020*" (1997), "*Chương trình hành động Hà Nội*" (1998), "*Sáng kiến hội nhập ASEAN*" (2000), thiết lập cơ chế ASEAN+3 (1997), ASEAN+1 (2002) và đặc biệt là "*Tuyên bố về sự Hoà hợp ASEAN II*" (2003), trong đó có Tuyên bố thiết lập Cộng đồng ASEAN vào năm 2020.

6. Xem thêm: Trần Khánh. *Tác động của môi trường địa - chính trị Đông Nam á đang thay đổi đến quan hệ ASEAN - Trung Quốc*. Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 1 (76)-2006, tr. 12-21.

7. Suốt hơn 10 năm qua, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đạt bình quân trên 7%. Năm 2005 đạt mức 8,5% ; các chỉ số lạm phát thấp và đặc biệt đang theo đuổi một chính sách tiền tệ hết sức thận trọng. Trong giai đoạn từ 2006 đến 2010, Việt Nam dự kiến đạt mức tăng bình

quần 7,7% năm và đầu tư 140 tỷ USD, trong đó khoảng 30% nguồn vốn từ bên ngoài. Tổng đầu tư nước ngoài ở Việt Nam năm 2005 đạt khoảng 51 tỷ USD.

8. Xem thêm: “*Triển vọng hợp tác kinh tế thương mại Nga - ASEAN*”. TTTVN, TLTKĐB, ngày 28-11-2005, tr. 8-12; “*Lộ trình “hướng Đông” trong chính sách đối ngoại của Liên Bang Nga*”, TTTVN, TLTKĐB, ngày 9-2-2005, tr. 17-21; “*Kinh tế Nga tiếp tục tăng trưởng cao*”, Thời báo Kinh tế, Số 34, thứ Năm, ngày 16-2-2006, tr. 14.

9. Chỉ chiếm 3% dân số thế giới, Nga có nguồn năng lượng lớn nhất, chiếm tới 13% tổng trữ lượng dầu mỏ và 34% tổng trữ lượng khí đốt thế giới đã được phát hiện. Hiện tại nước này đứng đầu thế giới xuất khẩu khí đốt và thứ hai về dầu mỏ. Sản lượng điện của Nga hiện nay chiếm 12% tổng sản lượng điện toàn cầu.

10. Kim ngạch thương mại hai chiều Việt- Nga năm 2000 là 363,4 triệu USD, năm 2001 là 570,9 triệu, năm 2002 là 688 triệu, năm 2003 là 651,4 triệu, năm 2004 là 887,3 triệu và con số đó tăng lên 1,1 tỷ USD vào năm 2005. Trong số đó, trị giá hàng nhập khẩu của Việt Nam từ Nga các năm là: 240,5 triệu USD năm 2000; 376,4 triệu năm 2001; 500,6 triệu năm 2002; 491,8 triệu năm 2003 và 671,2 triệu năm 2004 (Xem thêm: “*Đẩy mạnh quan hệ Việt Nam - Liên Bang Nga*”, Thời báo Kinh tế, Số 34, thứ năm ngày 16/2/2006, tr. 6).